YOUR AUTOMATION, YOUR MUJIE!

Энкодер Индуктивный датчик Фотоэлектрический датчик Площадь датчик

Codificador rotatorio Sensor de proximidad Sensor fotoeléctrico Sensor de área

الروتاري التشفير مستشعر القرب استشعار كهروضوئية منطقة الاستشعار

L'encodeur rotatif Capteur de proximité Capteur photoélectrique Domaine capteur

ロータリエンコーダ 近接センサ 光電センサ エリアセンサ

인코더 센서 광전 센서 지역 센서

Xoay mã hóa Gần gũi với bộ cảm biến Cảm biến quang Cảm biến khu vực

上海慕杰自动化科技有限公司 SHANGHAI MUJIE AUTOMATION CO..LTD





:+86 21 67132088

: +86 21 67132388

info@cnmujïe.com

:www.cnmujie.com



上海慕杰自动化科技有限公司

SHANGHAI MUJIE AUTOMATION CO.,LTD

目录 目录





P01-02

MLA系列

按钮开关























P07-09

MXB2系列

按钮开关

P11 MAD系列 数字按钮开关

P12-13 MLA系列 按钮开关

P14-15 MKCD系列 船型开关

P16 MABB&MKA0系列 开关











P17-25 MAOMC系列 按钮开关

P26-29 MAOMD系列 按钮开关

P30-35 MAOMUS系列 按钮开关

P16-66 MAOM系列 指示灯









P67-70 警示灯

P71-74 MCOB系列 控制开关

P75-76 XAC系列 控制开关











P77-81 钮子开关

P81 浮球开关

P82-83 防水按钮盒

P84 按钮保护罩

MLA38系列按钮开关

MUJIE-INT

产品外观	名称	코号	颜色	触点类型	尺寸图
		MLA38-10BN	2000	NO -	
	平头按钮开关	MLA38-01BN	●録	- NC	20
		MLA38-11BN	○ 黄	1NO 1NC	The state of the s
		MLA38-20T	● 競	2NO -	8
	平头自锁按钮开关	MLA38-02T	O ⊕ M	- 2NC	86.4
		MLA38-11T	m	1NO 1NC	
		MLA38-10X2	V	NO -	
	旋钮开关 2档	MLA38-11X2		NO NC	
		MLA38-11X22	\Diamond	NO NC	
D. a.	佐田田子の株	MLA38-20X3	\forall	2NO -	79.5 25.5
	旋钮开关 3档	MLA38-20X33	Φ	2NO -	
_		MLA38-10XB/2	\/	NO -	
	旋钮开关 2档 (长柄)	MLA38-11XB/2		NO NC	
	AMOUNT .	MLA38-11XB/22	\Diamond	NO NC	
O Property	旋钮开关 3档	MLA38-20XB/3	\vee	2NO -	79.5 25.5
	(长柄)	MLA38-20XB/33	Φ	2NO -	
	蘑菇头按钮开关	MLA38-10M	線紅	NO -	
		MLA38-01M		- NC	41.5
		MLA38-11M		1NO 1NC	8
		MLA38-20M	○ 黄	2NO -	79 10
		MLA38-02M		- 2NC	
	蘑菇头急停	MLA38-01ZS	• £	- NC	
O. T. C.	按钮开关	MLA38-11ZS		1NO 1NC	35
	and the second section of	MLA38-01ZS(STOP)	• £I	- NC	
(C)	蘑菇头(STOP) 急停按钮开关	MLA38-11ZS(STOP)		1NO 1NC	10 10 10 10 10 10 10 10 10 10 10 10 10 1

MLA38系列按钮开关

产品外观	名称	型号	颜色	触点类型	尺寸图
	蘑菇头急停	MLA38-01ZS/40	• •	- NC	
0	按钮开关	MLA38-11ZS/40		1NO 1NC	40
	双位按钮开关	MLA38-11B/RG	紅/樂	1NO 1NC	
	双位带灯按钮开关	MLA38-11D/RG	紅/環	1NO 1NC	54 - 69 - 17.2 - 0 8 2
	平头带灯按钮	MLA38-10DN		NO -	
		MLA38-01DN	● 紅	- NC	2316
		MLA38-11DN	○ 黄	1NO 1NC	41.5
C. E.	action of the control	MLA38-20DT	●蓝	2NO -	
	平头带灯按钮 (自锁)	MLA38-02DT	○ 由	- 2NC	. 83 "
	80,6100	MLA38-11DT		1NO 1NC	
-	000000000000000000000000000000000000000	MLA38-10XD/2		NO -	
	旋钮带灯开关 2档	MLA38-11XD/2	• B	1NO 1NC	415
D. C.	旋钮带灯开关 3档	MLA38-20XD/3	o sī	2NO -	95 11.5
		MLA38-10Y/2	~	NO -	
	钥匙旋钮 2档	MLA38-11Y/2		1NO 1NC	415
	钥匙旋钮 3档	MLA38-20Y/3	V	2NO -	78 225

MLAY38系列按钮开关

MUJIE-INT

W W #	62
MLAY37-11BN	
MLAY37-11BN MLAY37-20BNZS P 美自锁按钮开关 MLAY37-02BNZS MLAY37-11BNZS MLAY37-11BNZS MLAY37-10GN MLAY37-01GN MLAY37-01GN MLAY37-01GN MLAY37-01GN MLAY37-01GN MLAY37-01GN	
MLAY37-20BNZS	
平头自锁按钮开关 MLAY37-02BNZS ● ■ - 2NC	62
MLAY37-10GN NO - 高头按钮开关 MLAY37-01GN ● [□] - NC	
高头按钮开关 MLAY37-01GN ●	
20	
A IT	
MLAY37-11GN 0 1 1NO 1NC	
MLAY37-20GNZS ■ 2NO -	
高头自锁按钮开关 MLAY37-02GNZS ● 届 - 2NC	68
MLAY37-11GNZS 1NO 1NC	
MLAY37-10X2 NO -	
旋钮开关 2档 MLAY37-11X2 NO NC	
MLAY37-10X/22 NO - 30 -20	
旋钮自锁开关 2档 MLAY37-20X/22 NO NC	
旋钮开关 3档 MLAY37-20X/3 2NO -	
旋钮自锁开关 3档 MLAY37-20X/33 2NO -	
旋钮开关 2档 MLAY37-10XB/2 NO -	
(长柄) MI AY37-11XR/2 NO NC	
旋钮自锁开关 2档 MLAY37-10XB/22 NO - 30 20	
(长柄) MLAY37-20XB/22 NO NC	
旋钮开关 3档 (长柄) MLAY37-20XB/3 2NO -	
旋钮自锁开关 3档 (长柄) MLAY37-20XB/33 2NO -	
MLAY37-10M NO -	20 20
MLAY37-01M - NC	
神社 地のエチ	300
	72.5
MLAY37-20M 2NO -	

MLAY38系列按钮开关

产品外观	名称	型号	颜色	触点类型	尺寸图
	蘑菇头急停	MLAY37-01ZSD		- NC	30 20
O Tex	带灯按钮开关	MLAY37-11ZSD	● 紅	1NO 1NC	
	1	MLAY37-10DN		NO -	
-	高头带灯按钮开关	MLAY37-01DN	●緑	- NC	15 20
		MLAY37-11DN	• tī	1NO 1NC	
1	高头带灯自锁	MLAY37-20DNZS	○ 賞 ● 蓋 ○ 自	2NO -	120
	按钮开关	MLAY37-02DNZS		- 2NC	
	Market Mark	MLAY37-10XD/2	● 撥 ● fI	NO -	
	带灯旋钮开关 2档	MLAY37-11XD/2		1NO 1NC	
Dr. fr	带灯旋钮开关 3档	MLAY37-20XD/3		2NO -	100
		MLAY37-10MD		NO -	15 20
-		MLAY37-01MD		- NC	
A) I	蘑菇头带灯 按钮开关	MLAY37-11MD	● #基	1NO 1NC	
		MLAY37-20MD		2NO -	
		MLAY37-02MD		- 2NC	
	ATTRIBUTE OF THE	MLAY37-10Y/2		NO -	30 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1
	钥匙旋钮 2档	MLAY37-11Y/2		1NO 1NC	
	钥匙旋钮 3档 N	MLAY37-20Y/3		2NO -	

MXB2系列按钮开关(金属款)

MUJIE-INT

产品外观	名称	쨒믕	颜色	触点类型	尺寸圈
		MXB2-BA11		NO -	
_		MXB2-BA21	●録	NO -	
		MXB2-BA31	O AI	NO -	
		MXB2-BA51	○ 黄	NO -	
	平头按钮开关	MXB2-BA61	●蓝	NO -	* D 8
1		MXB2-BA22	08	- NC	1 00
		MXB2-BA42	• m	- NC	24.1
		MXB2-BA35	0.50.00	NO NC	
		MXB2-BA45		NO NC	
		MXB2-BL21		NO -	
A		MXB2-BL31	●録	NO -	43 - -18
	500000000000000000000000000000000000000	MXB2-BL51	O AI	NO -	19 19
300	延时按钮开关	MXB2-BL61	○ 黄	NO -	850° C188
		MXB2-BL22	●蓝	- NC	
		MXB2-BL42	〇白	- NC	24.1
		MXB2-BL35	• M	NO NC	
		MXB2-BL45		NO NC	
	高头按钮开关	MXB2-BLG21	● 緑 ● 红 ● 弦 ● 弦 ○ 白	NO -	la 43 ala185
		MXB2-BLG31		NO -	-
1		MXB2-BLG51		NO -	₩ D @
		MXB2-BLG61		NO -	24.1
		MXB2-BLG42		- NC	
		MXB2-BP21		NO -	
		MXB2-BP31	●燥	NO -	
1	2-470-7537524-2	MXB2-BP51	O II	NO -	
	带罩按钮	MXB2-BP61	○ 黄	NO -	
	(防水帽)	MXB2-BP42	●蓝	- NC	
1		MXB2-BP35	0 自	NO NC	24.1
		COVERDANCE VENEZO	• m		425-0-25
		MXB2-BP45		NO NC	
0.00		MXB2-BA31521(3311)		NO -	
A		MXB2-BA12561(3341)	0	NO -	43 -15
1	and the second	MXB2-BA21561(3351)		NO -	186
	带标志符号 按钮开关	MXB2-BA41582(4322)	0	- NC	* D 3
1	12 m/12	MXB2-BA41622(4342)	0	- NC	1 00
		MXB2-BA41585(4325)	•	NO NC	24.1
		MXB2-BA41625(4345)		NO NC	
		MXB2-BD21		NO -	
		MXB2-BD25	\vee	NO NC	4 4
A STATE OF THE PARTY OF THE PAR	旋钮开关 2档	MXB2-BD22		NO NC	

486

MXB2-BD33

MXB2-BD34 MXB2-BD35

旋钮开关 3档

2NO

2NO 2NC

1NO 1NC

MXB2系列按钮开关 (金属款)

产品外观	名称	型号	颜色	触点类型	尺寸圈
		MXB2-BC21		NO -	
A		MXB2-BC31		NO -	49 -1 - 25
		MXB2-BC51	● 投	NO -	7-6-1
	蘑菇头按钮开关 Φ40mm	MXB2-BC61	e ii	NO -	* D &
		MXB2-BC42		- NC	24.1
		MXB2-BC35		NO NC	
		MXB2-BC45		NO NC	
		MXB2-BR21		NO -	43 - 30.5
	蘑菇头按钮开关 Φ60mm	MXB2-BR31	● 輝	NO -	8 5 8
		MXB2-BR42			24.1
A	g.	MXB2-BT42		- NC	43
		MXB2-BT45	● 红	NO NC	
	急停按钮开关	MXB2-BX42		- NC	
		MXB2-BX45		NO NC	26.1
		MXB2-BS544		- 2NC	43 36.5
		MXB2-BS541		NO -	
	急停按钮开关	MXB2-BS542		- NC	
1	Ф40mm Ф60mm	MXB2-BS545	● 紅	NO NC	* * * * * * * * * * * * * * * * * * * *
		MXB2-BS641		NO -	
		MXB2-BS642		- NC	
		MXB2-BG21		NO -	
		MXB2-BG25		NO NC	
	to apple to	MXB2-BG41		NO -	
	钥匙旋钮 2档	MXB2-BG45	\bigcirc	NO NC	9 20-
2		MXB2-BG61		NO -	
		MXB2-BG65		NO NC	
P		MXB2-BG33	NZ	2NO -	24.1
10	钥匙旋钮 3档	MXB2-BG53	4696	2NO -	
	MANAGEMENT OLD	MXB2-BG63	1	2NO -	
		MXB2-BG73	V	2NO -	

MXB2系列按钮开关 (金属款)

MUJIE-INT

产品外观	名称	코号	颜色	触点类型	尺寸图
Alla	707 AA 444 AW WY MA	MXB2-BL8325		NO NC	et
	双位按钮开关	MXB2-BL8425		NO NC	
	双位带灯按钮开关	MXB2-BW8365		NO NC	880 Maria
	жинымитх	MXB2-BW8465	880	NO NC	
		MXB2-BW3161		NO -	
A		MXB2-BW3361	• #	NO -	61 * * 18 *
	自复位带灯 按钮开关	MXB2-BW3462	● 紅 ○ 黄 ● 蓋	- NC	35 35 55%
01		MXB2-BW3561	OB	NO -	
		MXB2-BW3661		NO -	
CE P		MXB2-BE101		NO -	26
Show A (NG)	触点模块	MXB2-BE102		- NC	23
		MXB2-BZ101		NO -	40x30
	带触点模块的 中间底座	MXB2-BZ102	×	- NC	250 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0
		MXB2-BZ103		2NO -	29
	带灯的触点模块	MXB2-BV6			
THE REAL PROPERTY AND ADDRESS OF THE PARTY AND	中间底座	MXB2-BW06	-	-	1 40

MXB2系列按钮开关 (塑料款)

产品外观	名称	쩦号	颜色	触点类型	尺寸图
		MXB2-EA11		NO -	
		MXB2-EA21		NO -	
		MXB2-EA31	• · ·	NO -	43 12
		MXB2-EA51		NO -	
	平头按钮开关	MXB2-EA61	● 红	NO -	83 OH S
		MXB2-EA22	○ 益	NO -	1-9-1
		MXB2-EA42		_ NC	24.1
		MXB2-EA35		NO NC	
		MXB2-EA45		NO NC	
		MXB2-EL21		NO -	
		MXB2-EL31		NO -	
-		MXB2-EL51	● #	NO -	43 18
100	7 11 10 10 10 10 10	MXB2-EL61	● 红 ● 黄 ● 蔵 ○ 白	NO -	
	凸头按钮开关	MXB2-EL22		_ NC	3000
		MXB2-EL42		_ NC	24.1
		MXB2-EL35		NO NC	
		MXB2-EL45		NO NC	
		MXB2-EP21		NO -	43
		MXB2-EP31		NO -	
A		MXB2-EP51	●類	NO -	
1	带罩按钮 (防水帽)	MXB2-EP61	○ 黄	NO -	
		MXB2-EP42	●蔵○白	_ NC	1 3
		MXB2-EP35		NO NC	24.1
		MXB2-EP45		NO NC	
		MXB2-EA3311		NO -	
		MXB2-EA3341		NO -	- 43 - - ¹² -
ASS	,	MXB2-EA3351	0	NO -	
	带标志符号 按钮开关	MXB2-EA4322	0	_ NC	9 OHO M2
1	DECEMBER AND STREET	MXB2-EA4342	0	_ NC	
		MXB2-EA4325		NO NC	26.1
		MXB2-EA4345		NO NC	

MXB2系列按钮开关 (塑料款)

MUJIE-INT

产品外观	名称	퓦믁	颜色	触点	类型	尺寸图
		MXB2-EC21		NO	-	
		MXB2-EC31		NO	=	
		MXB2-EC51		NO	-5	43
	蘑菇头按钮开关	MXB2-EC61		NO	-	
	Ф40mm	MXB2-EC42	● 紅	3 .	NC	85 8 E
	Ф60mm	MXB2-EC35		NO	NC	1.01
		MXB2-EC45		NO	NC	29.5
		MXB2-ER42		-	NC	
		MXB2-ER45		NO	NC	
		MXB2-ES442		-	NC	43 305
	急停按钮开关 Φ30mm	MXB2-ES542	●紅	5	NC	
	Ф40mm Ф60mm	MXB2-ES545	• at	NO	NC	#1 B
		MXB2-ES642		(5)	NC	Land U.
STORES		MXB2-ES645		NO	NC	49 36.5
	锁扣式 蘑菇头钥匙开关 Φ40mm Φ60mm	MXB2-ES142	• 11	-	NC	
	0.6997/03/03/2	MXB2-ES145		NO	NC	24.1
	them TH ON	MXB2-ED21		343	NC	
	旋钮开关 2档	MXB2-ED25		NO	NC	43 26
100		MXB2-ED41	100	NO	- 2	1 1 3 1
	自复位旋钮开关 2档	MXB2-ED45		NO	NC	*
-	旋钮开关 3档	MXB2-ED33	$\Phi \vee$	2NO	-	241
	D-10-17-17-17-17-17-17-17-17-17-17-17-17-17-	2007-114-0420-114-114-114-11	1000 00		1.5	36.1
	自复位旋钮开关 3档	MXB2-ED53	V	2NO	•	1
		MXB2-EG21		NO	-	-
9		MXB2-EG25		NO	NC	
	钥匙旋钮 2档	MXB2-EG41	$ \bigcirc$ $-$	NO	-	43 23 4
		MXB2-EG45		NO	NC	1
3		MXB2-EG61	$ \downarrow$ $+$	NO	-	
9		MXB2-EG65	0	NO	NC	The Help
7		MXB2-EG33	$\Box \Phi$	2NO	*	24.1
	钥匙旋钮 3档	MXB2-EG53	$ \vee$ $ $	2NO	*:	
		MXB2-EG03	- W	2NO	-	
		LIVES FORS		ONIO		

MAD16系列指示灯

产品外观	型号	颜色	灯电压	尺寸图
The state of the s	MAD16-16C	● 红 ● 绿 ○ 黄 ○ 白	AC/DC 6V AC/DC 12V AC/DC 24V AC/DC 36V AC/DC 48V AC/DC 110V AC/DC 220V AC/DC 380V AC 220V AC 380V	© 19 29 20 20 20 20 20 20 20 20 20 20 20 20 20
	MAD16-22DS	● 紅 ● 録 ○ 黄 ○ 白	AC/DC 6V AC/DC 12V AC/DC 24V AC/DC 36V AC/DC 48V AC/DC 110V AC/DC 220V AC/DC 380V AC 220V AC 380V	9 E
The state of the s	MAD16-30DS	● 紅 ● 緑 ○ 黄 ○ 白	AC/DC 6V AC/DC 12V AC/DC 24V AC/DC 36V AC/DC 48V AC/DC 110V AC/DC 220V AC/DC 380V AC 220V AC 380V	035.6 M M M M M M M M M M M M M
Control of the second	MAD16-16SM 蜂鸣器	● 红 ● 绿 ○ 黄	AC/DC 12V AC/DC 24V AC/DC 36V AC/DC 48V AC/DC 110V AC/DC 220V AC/DC 380V AC 220V AC 380V	019 AND
	MAD16-22SM 蜂鸣器	● 红 ● 绿 ③ 黄	AC/DC 12V AC/DC 24V AC/DC 36V AC/DC 48V AC/DC 110V AC/DC 220V AC/DC 380V AC 220V AC 380V	21 21 22 21 22 22 22 22 22 22 22 22 22 2
Con June	MAD16-30SM 蜂鸣器	● 紅 ● 緑 • 黄	AC/DC 12V AC/DC 24V AC/DC 36V AC/DC 48V AC/DC 110V AC/DC 220V AC/DC 380V AC 220V AC 380V	20

MAD16系列数字按钮开关

MUJIE-INT

产品外观	쩐号	颜色	灯电压	尺寸图
A PARTY OF THE PAR	MAD16-22VM 指示灯	● 红 ● 绿 ● 黄	AC 60-500V	23.000 13.000 (3.000 13.0000 13.0000 13.0000 13.000 13.000 13.000 13.000 13.000 13.000 13.000 13.000 13.000 13.000 13.00
	MAD16-22VA 指示灯	〇 白	0-100A	
	MAD16-22VA 指示灯	● 紅	AC 60-500V	23.000 23.0000 23.000 23.000 23.000 23.0000 23.000 23.000 23.000 23.0000
	MAD16-22AM 指示灯	白鱼	0-100A	
The state of the s	MAD16-22VMS 指示灯	● 紅	AC 60-500V	28.3000 - 3.
aga	MAD16-22AMS 指示灯	○費 ○自 ●蔵	0-100A	
The same of the sa	MAD16-22VMS 指示灯	● 紅 ● 線 ● 策	AC 60-500V	11.358N
	MAD16-22AMS 指示灯	白色蓝	0-100A	
The same of the sa	MAD16-22VAM 电流电压表	● 红 ● 绿 ○ 黄 ○ 白	AC 60-500V 0-100A	33.500 (3) 13.500 (3) 13.500 (4) 13.500 (5) 13.500 (6) 13.500 (7) 13.500 (8) 13.500 (9) 13.500 (10)
A Property of the Parks	MAD16-22VAMS 电压指示灯	● 红 ● 類 ○ 黄 ○ 白 ■ 藍	AC 60-500V 0-100A	28.3MM 23.7MM 33.7MM 33
The same of the sa	MAD16-22VAHZS 电压指示灯	● 红 ● 録 ○ 黄 ○ 白	AC 60-500V 0-100A 0-72HZ	1.50m

MLA16系列按钮开关

型号	MLA16Y	MLA16F	MLA16J
产品外观			
注:		●红 ●绿 ○黄 ●蓝 ○白	

产品外观	名称	触点数量	操作类型/颜色	操作类型	尺寸图	
			自复位	MLA16Y-11		
	785 TX 555 UT 445 AT	1	自锁	MLA16Y-11Z		
	圆形带灯按钮		自复位	MLA16Y-22		
		2	自锁	MLA16Y-22Z	19. 22 7	
		-	自复位	MLA16F-11	- B	
	方形带灯按钮	1	自锁	MLA16F-11Z	24 1	
	NEWNIE	2	自复位	MLA16F-22		
		2	自锁	MLA16F-22Z	- 1218 -	
		1	自复位	MLA16J-11		
	矩形带灯按钮	*	自锁	MLA16J-11Z	Ф 18	
		2	自复位	MLA16J-22		
			自锁	MLA16J-22Z		
		1	自复位	MLA16Y-11M	. \$23.5 .	
	带灯蘑菇头按钮		自锁	MLA16Y-11MZS		
Olive	- PARALAM	2	自复位	MLA16Y-22M	a C	
			自锁	MLA16Y-22MZS	विविव स्त	
	A. 19-10-17	1		MLA16Y-11ZS	. 623.5	
	急停按钮	2	● 红	MLA16Y-22ZS		
		1		MLA16Y-11ZS/A		
	大头急停按钮	2	• £I	MLA16Y-22ZS/A		

MLA16系列按钮开关

MUJIE-INT

MKCD船型开关

产品外观	名称	포号	动作类型	触点类型	尺寸图
	选择旋钮开关	MLA16Y-11X2	~	1NO 1NC	15.5
		MLA16Y-22X3	V	2NO 2NC	9 8 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9
		MLA16F-11X2	~	1NO 1NC	15.5
	选择旋钮开关	MLA16F-22X3	V	2NO 2NC	
	國形钥匙旋钮 2档 φ16	MLA16Y-11Y/2	V	1NO 1NC	
15		MLA16Y-22Y/2		2NO 2NC	22 28
	圆形钥匙旋钮 3档 φ16	MLA16Y-22Y/3		2NO 2NC	
	方形钥匙旋钮 2档	MLA16F-11Y/2		1NO 1NC	82
	ф16	MLA16F-22Y/2	\ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \	2NO 2NC	22 28
	方形钥匙旋钮 3档 φ16	MLA16F-22Y/3		2NO 2NC	
	矩形钥匙旋钮 2档	MLA16J-11Y/2		1NO 1NC	6
	ф16	MLA16J-22Y/2	\[2NO 2NC	
	矩形钥匙旋钮 3档 φ16	MLA16J-22Y/3		2NO 2NC	999

产品外观	斑믁	参数	动作类型	尺寸图
	MKCD1-101 红/黑	2脚2档 5A 250V AC 10A 125V AC		21mm 15mm
	MKCD1 红/黑	3脚2档 5A 250V AC 10A 125V AC		21mm 15mm
	MKCD1	3脚2档 红色带灯 6A 250V AC 10A 125V AC		15mm 15mm
	MKCD1	3脚2档 圆形 红色 6A 250V AC 10A 125V AC		\$ 8mm
	MKCD1	3脚2档 圆形 红色带灯		423 W W W W W W W W W W W W W W W W W W W
	MKCD3 红/绿	3脚2档 红色带灯		31mm 13.5mm
	MKCD8 双红 双绿 一红一绿	6脚2档 带灯		33mm 26mm

MKCD船型开关

MUJIE-INT

产品外观	포号	参数	动作类型	尺寸图
	MKCD2 红/绿	4脚2档 带灯 MKCD能型开关	~	31mm 25mm
	MKCD2 红/绿	6脚2档 带灯	~	31mm 31mm
	MKCD2 红/绿	4脚2档 防水带灯	~	38mm 29mm
	MKCD2 红/绿	6脚2档 防水带灯	~	38mm 29mm
	MKCD2	4脚2档	~	31mm 26mm
S. C.	MKCD2 自复位	6脚3档	Φ	31mm 26mm 31mm 26mm
	MKCD7	9脚3档	V	31mm 35mm

MABB&MKA0系列按钮

产品外观	型号	参数	額定电压	尺寸图
	MAPBB-22	椭圆形双头按钮 带灯	6V~380V	17max 1 - 6 76max
	MAS-22	方形双头按钮带灯	6V~380V	22 Name
	MPPBB-22	大型方形双头 带灯按钮 安装孔φ30mm	6V~380V	37max 1 - 6 76max 35max

절号	MKA0-5M	MKA0-5H	MBS-211B(1.5kW)	MBS-216B(2.2kW
压扣开关			C. C	
型号	MBS-230B(3.7kW)	MBS-230B(7.5kW)	MTBSN-310	MTBSN-330
压扣开关		A STATE OF THE PARTY OF THE PAR		
필号	MTBSS-330	MTBSN-315	MKH-201	MKHFS-306
压扣开关				

MAOMC16系列金属按钮

MUJIE-INT

MAOMC16系列金属按钮

产品外观	名称	颜色	額定电压	动作类型	尺寸圈
	平头形	: ⊈3:	2	◇	Σ 14 LX9W P 13.2 1.5 31.5
	高头形	*			Φ 13.2 3.3 31.5
	环形灯形	● 红 ● 緑 ● 酸 橙 ● 黄 ○ 白	3-6V 12-24V	◇	1.3 SE E E E E E E E E E E E E E E E E E E
	高头环形灯形	红绿蓝橙黄白	3-6V 12-24V	◇	Σ 2 2 3.3 31.5 ΣΧΘΙΨ Φ 13.2 3.3 31.5
	环形电源标志灯形	<u></u>	9	◇	1.3 14 Σ Φ 13.2 1.5 31.5

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸图
	高头环形电源标志灯形	-	-	◇	9 13.2 3.3 31.5 DX9W
	环形灯形	● 紅 ● 擬 ● 蔽 ● 費 ○ 自	3-6V 12-24V		Φ13.2 1.5 31.5
O MARINE A	高头环形灯形	● 红 ● 雄 ● 雄 ● 黄 ○	3-6V 12-24V		φ13.2 3.3 31.5
	蘑菇头形	● 紅 ● 緑 ● 璇 ● 瓊 ○ 白	3-6V 12-24V		Φ23.5 9 31.5
	蘑菇头形	● 紅 ● 類 ● 整 ● 費 ● 首	3-6V 12-24V		9.3 14 14 15 18 18 18 18 18 18 18 18 18 18

MAOMC19系列金属按钮

MUJIE-INT

MAOMC19系列金属按钮

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸图
	平头形	-	*		52 0 15 1 2 33 WW
	高头形		-0	◇	2
	环形灯形	● 紅 ● 紅 ● 雄 巻 章 白	3-6V 12-24V		2 175 8 175 9 187 9 187
	高头环形灯形	● 紅 ● 線 ● 陸 ● 橙 ● 白	3-6V 12-24V	◇	2 1.75 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15
	环形电源标志灯形		15 8		2 1.75 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸圈
	高头环形电源标志灯形	3			2
	环形灯形	● 紅 ● 雄 ● 雄 ● 韓 ○ 韓 ○ 自	3-6V 12-24V	◇ > →	\$2 0151 2 33 15 15 W
5	高头环形灯形	● 红 ● 雅 ● 雅 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V	◇	2 0 15 1 15 1 X SW
	蘑菇头形	● 紅 ● 環 ● 遺 ● 遺 ● 自	3-6V 12-24V	◇ > →	926.5 10 33
	蘑菇头形	● 红 ● 雅 ● 雅 ● 費 ○ 自	3-6V 12-24V		© 26.5 33

MAOMC22系列金属按钮

MUJIE-INT

MAOMC22系列金属按钮

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸圈
	平头形	1 4 73	2	◇ > →	58
	高头形	*		◇	\$2
	环形灯形	● 红 ● 録 随 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V	◇	22 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15
	高头环形灯形	● 红 ● 绿 璇 橙 ● 白	3-6V 12-24V	◇	22 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15
	环形电源标志灯形	<u></u>	9.	◇	22 15 15 1×2W 1×2W 1×2W 1×2W 1×2W 1×2W 1×2W 1×2W

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸图
	高头环形电源标志灯形	_	-	◇	22 IS
	环形灯形	● 紅 ● 版 ● 版 ● 賞 ○ 自	3-6V 12-24V	◇	99 2 15 2 33
	高头环形灯形	红绿蚕橙****************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************************<	3-6V 12-24V		58 09 15 15 XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
	蘑菇头形	● 紅 ● 緑 ● 蔵 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V	◇	0 26.5 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15
	蘑菇头形	● 紅 ● 類 ● 整 ● 費 ○ 自	3-6V 12-24V		©9 030 125 33

MAOMC25系列金属按钮

MUJIE-INT

MAOMC30系列金属按钮

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸图
	平头形	8	5	$\overset{\Diamond}{\vee}$	28 9 13.2 NS2W
DE.	高头形	*	-	$\overset{\Diamond}{\vee} {\rightarrow}$	26 019.8 4 33
OF THE	环形灯形	● 紅 緑 蓝 橙 黄 白	3-6V 12-24V	$\overset{\Diamond}{\vee} {\vee}$	27 J3.2 VS 2W P P P P P P P P P P P P P P P P P P
OF THE	高头环形灯形	● 紅 ● 線 ● 弦 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V	$\overset{\lozenge}{\vee} {\rightarrow}$	27 SS
	环形电源标志灯形	2	æ	$\stackrel{\Diamond}{\vee} \rightarrow$	27 J3.2 SS
	高头环形电源标志灯形		ī.	$\Diamond \searrow \\ \rightarrow$	27 J3.2 SS
	环形灯形	● 红 ● 雄蓝 ● 韓 黄 ○ 白	3-6V 12-24V	◇ > →	Φ9 J3.2 Φ19.8 2 33
3	高头环形灯形	● 紅線 監 機 黄白	3-6V 12-24V	$\overset{\Diamond}{\vee}$	Φ9 J3.2 Φ19.8 4.2 33

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸图
	平头形			◇ > →	9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9
	高头形	*	*	◇ > →	9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9
	环形灯形	● 紅 緑 雅 橙 黄 白	3-6V 12-24V	◇	27 117 117 117 117 117 117 117 117 117 1
	高头环形灯形	● 红 ● 様 ● 様 ● 様 ○ 首	3-6V 12-24V	◇ > →	27 37 37 42 33 33
0	环形电源标志灯形	● 红 绿 雅 橙 黄 白	3-6V 12-24V	◇	27 W 20 W

MAOMC40系列金属按钮

MUJIE-INT

MAOMD16系列大电流金属按钮

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸圈
	平头形		829		9 12.5 8 9 10 10 10 10 10 10 10 10 10 10 10 10 10
	高头形	-		◇	933.9 42 33
	环形灯形	● 红 ● 銀 ● 酸 橙 ● 黄 ○ 白	3-6V 12-24V		27 9 17.5 9 17.5 18.5 18.5 18.5 18.5 18.5 18.5 18.5 18
	高头环形灯形	● 紅 緑 磁 橙 黄 白	3-6V 12-24V	◇	2.7 J2.5 D009W
	环形电源标志灯形	● 红 ● 绿 ● 隆 ● 黄 ○ 白	3-6V 12-24V		27 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸图
	平头形	4	-	◇	2 13.2 1.5 33 33
	高头形	*	-		132 3.3 33 33
OFFICE OF STREET	环形灯形	● 红 ● 盤 ● 盤 ● 含 白	3-6V 12-24V 220V		150
	高头环形灯形	● 紅 緑 蓝 橙 黄 白	3-6V 12-24V 220V	◇	1.50 - 12 - 12 - 12 - 13.2 3.3 S
	环形电源标志灯形	● 紅 ● 録 ● 聲 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V 220V		15 12 15 9W

MAOMD16系列大电流金属按钮

MUJIE-INT

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸图
	高头环形电源标志灯形	● 红 ● 録 ● 強 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V 220V	◇ →	15 12 15 33 W
Tall the second	平头单点灯形	● 红 ● 緑 ● 橙 ● 黄	3-6V 12-24V 220V	◇	13.2 1.5 33
O Francisco	高头单点灯形	● 紅 ● 線 ● 線 ● 機 ● 負 ○ 白	3-6V 12-24V 220V	◇ ✓ ✓	33 33 33 33 33
	蘑菇头形	● 红 ● 绿 ● 薩 ● 種 ● 白	3-6V 12-24V 220V	◇	225
Contract of the second	蘑菇头形	● 紅 ● 録 ● 弦 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V 220V	◇	225 25 25 25

MAOMD16NZ系列大电流金属按钮

MUJIE-INT

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作类型	尺寸图
Tan DE MARIE	金属拨动开关	● 紅 緑 藤 樹 貴 白	3-6V 12-24V 220V (外部插座)	\checkmark	2 4 101 5 445
	金属拨动开关	红銀破砂投う負	3-6V 12-24V 220V (外部插座)	→	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2

MAOMD19系列大电流金属按钮

产品外观	名称	颜色	额定电压	动作美型	屋存另
	平头形	-		◇	2 113 12 1X 6W X
Same of the same o	高头形		-	◇	2
O. Marine	环形灯形	● 红 ● 録 ● 蔵 ● 橙 ● 質 ○ 白	3-50V 220V	◇ > →	2 11.3 - 12.6 W

MAOMD22系列大电流金属按钮

MUJIE-INT

产品外观	名称	颜色	額定电压	动作类型	尺寸圈
T RESTANCE	高头环形电源标志灯形	红绿蚕橙黄白	3-50V 220V	□	75 mg
	平头单点灯形	● 紅 ● 線 ● 離 ● 質 ○ 白	3-50V 220V		52 SE
	高头单点灯形	红線線破砂()()()()	3-50V 220V	◇	92 92 93 93 93 93 93 93 93 93 93 93 93 93 93
	蘑菇头形	● 红 ● 绿 ● 璇 ● 世 ○ 白	3-50V 220V		20 D D D D D D D D D D D D D D D D D D D
	蘑菇头形	● 紅 ● 録 ● 謹 ● 世 ○ 首	3-50V 220V	◇	207 N N N N N N N N N N N N N N N N N N N

MAOMUS12系列超短触摸金属按钮

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸圈
	平头形	5	-	2 8.4 2 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0
	高头形			8.4 _
0	环形灯形	● 红 ● 緑 ● 斑 ● 雅 ● 賞 ○ 白	3-6V 12-24V	2 8.4 0.9 2 2 2 2 3 3 3 3 3 3 3 3 3 3 3 3 3 3 3
5	高头环形灯形	● 红 ● 線 ● 藤 ● 橙 ● 賞	3-6V 12-24V	3.1 13.1 29 29 3.1 3.1 3.1 8.4
	环形电源标志灯形	● 红 ● 線 ● 直 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V	2 8.4 0.9 2 0.9 2 1.5 13.1 8.4 8.4
5	高头环形电源标志灯形	红類数数数0数00	3-6V 12-24V	2

MAOMUS16系列超短触摸金属按钮

MUJIE-INT

MAOMUS19系列超短触摸金属按钮

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头形	-	-	7.5 \(\tilde{\text{X}}\) \(\tilde{\text{X}}\) \(\t
	高头形	-	.=	7.5 8
	环形灯形	● 红 ● 緑 ● 筋 ● 橙 ● 賞 ○ 白	3-6V 12-24V	7.5 1.35 8221 0 13 11.8 11.8
	高头环形灯形	红線該礎貸白	3-6V 12-24V	7.5 1.35 8 21 9 9 8 12 3.2 13 11.8
	环形电源标志灯形	● 红 ● 緑 ● 蓝 ● 橙 ● 貴	3-6V 12-24V	7.5 1.35 © 22 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0
	高头环形电源标志灯形	● 红 ● 緑 ● 蓝 ● 橙 ● 黄 ○ 白	3-6V 12-24V	7.5 1.35 8 1.35 8 1.35 8 1.35 1.35 1.35 1.35

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头形	•	*	2 12.6 5.5 52 52 52 52 52 52 52 52 52 52 52 52 52
3	高头形		*	5.6 X X 12.6 15.
	环形灯形	● 紅 ● 蘇 ● 蘇 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V	2 12.6 1.25 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15
	高头环形灯形	● 红 ● 蘇 ● 蘇 ● 敬 ● 黄 ○ 白	3-6V 12-24V	8 1.25
	环形电源标志灯形	● 红 ● 線 ● 直 ● 費 ● 白	3-6V 12-24V	812 12.6 1.25 2 12.6 15
	高头环形电源标志灯形	● 红 ● 類 ● 直 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V	80 1.25 1 X X X X X X X X X X X X X X X X X X X

MAOMUS22系列超短触摸金属按钮

MUJIE-INT

MAOMUS25系列超短触摸金属按钮

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头形	-	2	7.64 8 7 2 X X X X X X X X X X X X X X X X X X
20	高头形	⊗ = 1	-	7.64 1 × 22W 2 12.7 18
	环形灯形	● 紅 ● 緑 ● 蔵 ● 機 ● 質 ○ 白	3-6V 12-24V	22 22 22 127
	高头环形灯形	● 红 ● 録 ● 鼓 ● 世 ● 賞	3-6V 12-24V	7.64 2.2 12.7 2.12.7
(4)	环形电源标志灯形	● 红 ● 緑 ● 西 ● 橙 ● 黄	3-6V 12-24V	7.64 22 12.7 2. 12.7
	高头环形电源标志灯形	红銀登をを費白	3-6V 12-24V	7.64 2.2 2. 12.7 18

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头形	-	2	8.68 12.8 12.8 19.8
5	高头形	35		2 128 19.8
	环形灯形	● 紅 ● 類 ● 類 ● 質 ○ 白	3-6V 12-24V	8 27 1x 55W 227 22 12.8 19.8 22
	高头环形灯形	● 紅 樂 蔬 橙 黄 白	3-6V 12-24V	3.60 2.7 1 x x x x x x x x x x x x x x x x x x x
(0)	环形电源标志灯形	红绿蓝橙黄白	3-6V 12-24V	27 128 27 17.8 27 17.8 19.8
(b)	高头环形电源标志灯形	● 红 ● 緑 ● 路 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V	27 2 128 27 2 128 27 2 128

MAOMUS30系列超短触摸金属按钮

MUJIE-INT

MAOMUS30系列超短触摸壶属按钮			MOJIL IIVI		
产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图	
	平头形	€		2 12 24.7 Q	
	高头形	-	:₩:	2 12 24.7	
0	环形灯形	● 红 ● 黛 蓝 ● 微 黄 ○ 黄	3-6V 12-24V	2.85	
	高头环形灯形	● 红 ● 録 ● 費 ○ 白	3-6V 12-24V	2.85 2.85 2.70 2.70 2.70 2.70 2.70 2.70 2.70 2.70	
(4)	环形电源标志灯形	● 红 ● 輝 ● 藍 ● 橙 ○ 食	3-6V 12-24V	2.85 2.85 2.12 2.47	

MAOM6系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	7.5 M6x0.5
J'in	平头插脚形	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	75 M6x0.5
	平头穿线灌胶式	● 紅 緑 薫 橙 黄 白 紫	3-6V 12-24V	1.6 77.6 MXA150mm
O'E	平头双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	75 M6x0_5 22 N5.5 MXU\S0mm
STATE OF THE PARTY	高头穿线式	● 紅 緑 蓝 橙 黄 白 漱	3-6V 12-24V	7.5 M6x0.5
	高头插脚形	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	7.5 M6x0.5 23.5 31.5
	高头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	35 7 MX/150mm
	高头双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	75 M6x0.5

MAOM8系列指示灯

MUJIE-INT

MAOM8系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸圈
- Juliano	平头穿线式	红燥筋橙黄白素	3-6V 12-24V	10 M8x0.75
January 2	平头插脚形	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	10 M8x0.75
	平头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	17.7 M8x0.75
The state of the s	平头双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	10 M8x0.75
The state of the s	平头三色灯	紅線萊樹黄白紫	3-6V 12-24V	10 M8x0.75

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	高头穿线式	红绿栽橙黄白嫩	3-6V 12-24V	11 M8x0.75
	高头插脚形	紅綠蓝橙黄白嫩	3-6V 12-24V	M8x0.75
Tall Market of the Control of the Co	高头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	18.1 M8x0.75
January 1	高头双色灯	红绿蓝橙黄白蜜	3-6V 12-24V	10 M8x0.75
January 1	高头三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	10 M8x0.75

MAOM12系列指示灯

MUJIE-INT

MAOM12系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
O MANUAL PROPERTY OF THE PARTY	平头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 21 MA 150mm
O James - Ze	平头插脚形	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	35 M12x1 22 325
O James Company	平头穿线灌胶式	紅綠藍橙黄白紫	3-6V 12-24V	16.9 M12x1
William Property of the Control of t	平头双色灯	红绿蓝色黄白素	3-6V 12-24V	22 21 MillSomm
O'init	平头三色灯	紅綠蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 21 MildSOmm

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
O July	高头穿线式	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	85 M12×1 21 Bijli50mm
	高头插脚形	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	8.5 M12x1 45 325
	高头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	15.8 M12×1 23
	高头双色灯	紅綠旅橙黄白漱	3-6V 12-24V	85 M12x1
	高头三色灯	● 紅綠蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	8.5 M12x1

MAOM12系列指示灯

MUJIE-INT

MAOM12系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
O MINITED IN	平头穿线式	红樂蓝橙黄白家	3-6V 12-24V	85 M12x1 22 21 Mill50mm
The state of the s	平头插脚形	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	85 MI2xl 22 325
O James Company	平头穿线灌胶式	● 红绿蔬橙黄白漱	3-6V 12-24V	16.9 M12x1
Think the same of	平头双色灯	● 紅線 整橙 黄白紫	3-6V 12-24V	85 M12x1 22 21 MXJISOmm
O Sining	平头三色灯	● 紅 線 放 極 黄 白 家	3-6V 12-24V	8.5 M12x1 22 21 Millisonm

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
O' July	高头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	8.5 M12x1 8.5 M12x1 4.5 21 MillSomm
The state of the s	高头插脚形	红绿蓝色黄白紫	3-6V 12-24V	85 M12x1 22 00 45 325
	高头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	15.8 M12x1
	高头双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	85 M12×1 45 21 MIXISOmm
July 1	高头三色灯	紅绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	8.5 M12×1 4.5 21 Bill,150mm

MAOM10系列指示灯

MUJIE-INT

MAOM10系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
O Million	平头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 19 Milisomm
Will Fr.	平头插脚形	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 29
	平头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	17.9 M10x1
July 1	平头双色灯	红绿蓝橙黄白嫩	3-6V 12-24V	22 20 Mil/150mm
Juni -	平头三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 20 MillS0mm

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸圈
	高头穿线式	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	11 M10x1 4.5 20 MXX150mm
O MINING TO	高头插脚形	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	11 M10x1
	高头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 13 MX/150mm
Panill .	高头双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	11 M10x1 20 MXX150mm
Think I	高头三色灯	红綠蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	11 M10x1 20 Stiλ150mm

MAOM12系列指示灯

MUJIE-INT

MAOM12系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
THE REAL PROPERTY OF THE PARTY	平头穿线式	红樂莊橙黄白素	3-6V 12-24V	22 21 Milisomm
The state of the s	平头插脚形	● 红绿蓝色黄白素	3-6V 12-24V	85 M12x1 22 325
O James Company	平头穿线灌胶式	● 紅 緑 森 橙 黄 白 漱	3-6V 12-24V	16 209 M\(\)150mm
Similar Park	平头双色灯	● 紅 ● 銀 類 ● ● 数 ● 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章	3-6V 12-24V	22 21 \$K\(\) 50mm
O Similar	平头三色灯	● 紅 線 旅 極 黄 白 家	3-6V 12-24V	22 21 MXLISOnom

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
Or July	高头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	85 M12×1 45 21 Mill50mm
	高头插腳形	● 紅緑蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	8.5 M12x1
	高头穿线灌胶式	● 紅 緑 蒸 橙 黄 白 漱	3-6V 12-24V	15.8 M12x1
	高头双色灯	● 紅 ● 銀 藤 禮 ● 曾 首 皇 紫	3-6V 12-24V	85 M12x1
	高头三色灯	紅級藍體質白紫	3-6V 12-24V	85 M12×1 45 21 Mil/Somm

MAOM14系列指示灯

MUJIE-INT

MAOM14系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	8.5 M14x1 22 21 MXISOmm
	平头插脚形	紅線藍橙黄白紫	3-6V 12-24V	85 M14x1 22 325
Comment of the second	平头穿线灌胶式	紅綠藍橙黄白紫	3-6V 12-24V	20.4 M14x1 M14x1 M14x1 M14x1 M14x1
	平头双色灯	●紅緑藍橙黄白紫	3-6V 12-24V	85 M14x1
	平头三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 21 \$\frac{85}{21}\$50mm

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	高头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	8.5 M14x1
A PARTY OF THE PAR	高头插脚形	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	85 M14x1
	高头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	19.5 M14x1
	高头双色灯	红绿就橙黄白漱	3-6V 12-24V	85 M14x1
	高头三色灯	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	8.5 M14x1

MAOM16系列指示灯

MUJIE-INT

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式	红绿蓝橙黄白家	3-6V 12-24V	13 M16x1
Charles .	平头插脚形	● 紅緑蓝色 (3-6V 12-24V	22 M16x1 2 30.5
	平头接线柱式	● 紅 緑 茂 橙 黄 白 紫	3-6V 12-24V	13 M16x1 2 30.5
	平头穿线灌胶式	紅線 遊燈 黄白紫	3-6V 12-24V	13 M16x1 2 172 MillSomm
	高头穿线式	紅绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	132 M16x1 55 172 MASOmm
	高头插脚形	● 紅 緑 茂 橙 黄 白 紫	3-6V 12-24V	122 M16x1
	高头接线柱式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	72 MI6XI
	高头穿线灌胶式	紅綠蓝橙黄白蜜	3-6V 12-24V	132 M16x1

MAOM16双色灯系指示灯

产品外观	名称	颜色	額定电压	尺寸圈
	平头穿线式双色灯	紅燥監禮黄白紫	3-6V 12-24V	2 17.2 Mills0mm
CHILL	平头插脚形双色灯	紅綠蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 M16x1 2 V5
	平头接线柱形双色灯	● 红绿蓝色 黄白素	3-6V 12-24V	3 M16x1 2 24
	高头穿线式双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	13.2 M16x1 5.3 17.2 Mill50mm
C. MINITE	高头插脚形双色灯	● 紅 ● 緑蓝橙 賞白素	3-6V 12-24V	122 M16x1
	高头接线柱形双色灯	● 紅線蓝機 養白家	3-6V 12-24V	122 M16x1

MAOM16三色灯系列指示灯

MUJIE-INT

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式三色灯	红绿菇橙黄白紫	3-6V 12-24V	13 M16×1 2 17.2 MU150mm
C) MILE	平头插脚形三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	2 M16x1
	平头接线柱形三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	13 M16x1 2 24
	高头穿线式三色灯	● 红線 鼓機	3-6V 12-24V	13.2 M16×1 5.3 17.2 Miù150mm
Committee of the control of the cont	高头插脚形三色灯	● 紅 ● 銀 ● 砂 ● 砂 ● 砂 ● 砂 ● 砂 ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・ ・	3-6V 12-24V	122 M16x1
	高头接线柱形三色灯	紅綠蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	122 M16x1

MAOM19系列指示灯

MUJIE-INT

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	2 16 M/3/50mm
	平头插脚形	● 紅綠蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	M19×1
	平头接线柱式	● 紅塚莊極 ● 離 ● 常	3-6V 12-24V	369 M19x1
	平头穿线灌胶式	● 紅緑藍橙黄白紫	3-6V 12-24V	2 7 Millsonn
9	高头穿线式	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	22 IJ BRUISOnm
O Marie II	高头插脚形	红绿蓝橙黄白粱	3-6V 12-24V	15 M19x1
	高头接线柱式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	139 M19x1
	高头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白嫩	3-6V 12-24V	22 16 BKASSOmm

51

MAOM19双色灯系列指示灯

MUJIE-INT

MAOM19三色灯系列指示灯

MU.I	IF-IN	r

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸圈
	平头穿线式双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	2 18 M19x1
	平头插脚形双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	7 M19x1 2 323
	平头接线柱形双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	2 299 M19x1
	高头穿线式双色灯	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	22 M19x1
	高头插脚形双色灯	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	22 303
	高头接线柱形双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 26.9 M19x1

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	13 M19×1 2 18 M150mm
	平头插脚形三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	M19x1
	平头接线柱形三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	2 299 M19x1
	高头穿线式三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 17 MX 150mm
	高头插脚形三色灯	● 紅 ● 緑 蓝 ● 砂 黄 白 紫	3-6V 12-24V	22 303 M19x1
	高头接线柱形三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	13.9 M19×1

MAOM22系列指示灯

MUJIE-INT

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸圈
OFF	平头穿线式	● 紅燥蓋橙 ● 離 ● 質白家	3-6V 12-24V	25 16.4 MA22x1
	平头插脚形	● 紅緑藍橙黄白家	3-6V 12-24V	152 M22x1
	平头接线柱式	□ 紅綠蓝橙黄白家	3-6V 12-24V	52 M22x1
	平头穿线灌胶式	● 紅緑蓝磴	3-6V 12-24V	25 15.4 MX.150mm
	高头穿线式	紅線蓝機質白蜜	3-6V 12-24V	222 M22x1
	高头插脚形	紅绿藍橙黄白紫	3-6V 12-24V	52 M22x1
	高头接线柱式	● 紅 ● 蘇 ● 養 ● 教 ● 常	3-6V 12-24V	M22x1
	高头穿线灌胶式	● 紅 ● 遊 ● 遊 ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ●	3-6V 12-24V	元 M22x1 元 M22x1

MAOM22双色系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	25 16.4 BG/150mm
	平头插脚形双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	₩22x1 ₩22x1
C James R	平头接线柱形双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	352 M22x1
	高头穿线式双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 M22x1 2
	高头插脚形双色灯	红绿蓝橙黄白嫩	3-6V 12-24V	152 M22x1
	高头接线柱形双色灯	红绿蓝橙黄白嫩	3-6V 12-24V	22 M22x1

MAOM22三色灯系列指示灯

MUJIE-INT

NOMIZZ二色以	OM22三色灯系列指示灯			MOUIL III		
产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图		
	平头穿线式三色灯	● 紅绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	25 16.4 M22×1		
	平头插脚形三色灯	紅線藍燈黄白紫	3-6V 12-24V	352 M22xl		
	平头接线柱形三色灯	● 紅緑藍 機 黄白 紫	3-6V 12-24V	152 M22x1		
	高头穿线式三色灯	● 紅線蓝 機 美 白 素	3-6V 12-24V	22 M22x1		
	高头插脚形三色灯	红级蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	152 M22x1		
	高头接线柱形三色灯	红绿蓝橙黄白	3-6V 12-24V	147 M22x1		

MAOM25系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	25 74 MASSON
	平头插蹦形	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	53 M25x1
	平头接线柱式	红绿蓝檀黄白紫	3-6V 12-24V	53 M25x1
	平头穿线灌胶式	● 紅緑道橙黄白素	3-6V 12-24V	25 N.A Bijosoms
	高头穿线式	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	123 M25x1
0	高头插脚形	紅線遊機質白紫	3-6V 12-24V	85 335 M25xl
	高头接线柱式	紅線遊檢養白家	3-6V 12-24V	83 M25x1
0)=	高头穿线灌胶式	紅線鼓機質白紫	3-6V 12-24V	123 M25x1

MAOM25双色灯系列指示灯

MUJIE-INT

MAOM25三色灯系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式双色灯	● 紅緑藍橙黄白紫	3-6V 12-24V	25 DA RASSES
	平头插脚形双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	S3 M25x1
OF E	平头接线柱形双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	15.3 M2.5xl
	高头穿线式双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	23 M25x1
	高头插脚形双色灯	红绿蓝色黄白素	3-6V 12-24V	153 M25x0
OF:	高头接线柱形双色灯	● 紅 ● 銀 ● 整 ● 世 受 ● 常	3-6V 12-24V	153 M25xd

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸圈
	平头穿线式三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	223 M25x1
OB.	平头插脚形三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	15.3 M2.5×1 25 307
OF E	平头接线柱形三色灯	紅線蓋極質白紫	3-6V 12-24V	15.3 M2.5x1
OF	高头穿线式三色灯	紅绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	23 M25x1 85 174 M3150nm
	高头插脚形三色灯	紅線遊禮黃白素	3-6V 12-24V	15.3 M2.5x1
	高头接线柱形三色灯	● 紅绿 型 機 費 白 素	3-6V 12-24V	553 M25x1

MAOM28系列指示灯

MUJIE-INT

MAOM28双色灯系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸圈
	平头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	EQ ACCEPTANCE OF THE PARTY OF T
	平头插脚形	红绿蓝橙黄白漱	3-6V 12-24V	53 M28xd
	平头接线柱式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	13 M2841
	平头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	12 M28xi
	高头穿线式	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	El P. M. Million
	高头插脚形	紅燥遊機黄白紫	3-6V 12-24V	M28x1
	高头接线柱式	紅塚蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	E3 M28A1
	高头穿线灌胶式	紅绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	M28x1

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸圈
	平头穿线式双色灯	紅綠蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	27 DA RASSan
	平头插脚形双色灯	紅綠蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	353 M28x1
	平头接线柱形双色灯	紅綠蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	153 M28x1
	高头穿线式双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	19.3 M28x3
	高头插脚形双色灯	红绿蓝橙黄白嫩	3-6V 12-24V	\$3 M28d
	高头接线柱形双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	33 M28xl

MAOM28三色灯系列指示灯

MUJIE-INT

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式三色灯	● 紅绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	23 M28x1
	平头插脚形三色灯	紅绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	53 M28x1
	平头接线柱形三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	33 M28x)
	高头穿线式三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	23 M28x1
	高头插脚形三色灯	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	33 M28xl
	高头接线柱形三色灯	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	153 M28x1

MAOM30系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	EA MASONS
	平头插脚形	紅燥遊標● 数● 数● 数	3-6V 12-24V	27 NA M30ci
	平头接线柱式	红绿蓝色黄白素	3-6V 12-24V	₹ # M30xi
	平头穿线灌胶式	● 紅 緑 並 橙 黄 白 素	3-6V 12-24V	TA MASON SURFIN
	高头穿线式	● 紅 緑 蓝 橙 黄 白 素	3-6V 12-24V	R ES DA RECEDEN
	高头插脚形	● 紅 緑 遊 极 黄 白 素	3-6V 12-24V	A South
	高头接线柱式	● 紅 緑 蓝 橙 黄 白 素	3-6V 12-24V	R ES MOON
07	高头穿线灌胶式	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	R S2 MAGON

MAOM30双色系列指示灯

MUJIE-INT

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	22 PA BUISSman
	平头插脚形双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	27 M30x1
	平头接线柱形双色灯	紅綠蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	Z ≈ M30x1
	高头穿线式双色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	₩A M30xl
	高头插脚形双色灯	紅绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	307 M30x1
	高头接线柱形双色灯	紅绿蓝橙黄白蜜	3-6V 12-24V	NA MOON

MAOM30三色灯系列指示灯

产品外观	名称	颜色	额定电压	尺寸图
	平头穿线式三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	27 17.4 M30x1
O)	平头插脚形三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	354 M30x1
	平头接线柱形三色灯	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	27 22.4 M30x1
	高头穿线式三色灯	红绿蓝橙黄白紫	3-6V 12-24V	12.4 M30x1
	高头插脚形三色灯	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	15.4 M30x1
	高头接线柱形三色灯	红绿蓝橙黄白素	3-6V 12-24V	15.4 M30x1

警示灯系列

67

MUJIE-INT

产品外观 型号 名称 参数 尺寸图 额定电压: DC12V、DC24V AC220V LED多层警示灯 LED常亮/频闪/可调 AOM-50-1T 有声/无声 额定电压: DC12V、DC24V AC220V AOM-50-2T 有声/无声 LED多层警示灯 LED常亮/频闪/可调 额定电压: DC12V、DC24V AC220V AOM-50-3T 有声/无声 LED多层警示灯 LED常亮/频闪/可调 额定电压: DC12V、DC24V AC220V AOM-50-4T 有声/无声 LED多层警示灯 LED常亮/频闪/可调 00 额定电压: DC12V、DC24V AC220V AOM-50-5T 有声/无声 LED多层警示灯 LED常亮/频闪/可调

警示灯系列

产品外观	型号	名称	参数	尺寸图
	AOM-50-RGY 折曼款 有声/无声	三色LED警示灯 180°可折叠底座	额定电压: DC12V、DC24V AC220V	130
All	AOM-50-RGY 短杆圆盘 5cm 有声/无声	三色LED警示灯	额定电压: DC12V、DC24V AC220V	138
	AOM-50-RGY 中杆圆盘 12cm 有声/无声	三色LED警示灯	额定电压: DC12V、DC24V AC220V	135
	AOM-50-RGY 长杆圆盘 23cm 有声/无声	三色LED警示灯	额定电压: DC12V、DC24V AC220V	45
	AOM-50-RGY 短杆L型 12cm 有声/无声	三色LED警示灯	额定电压: DC12V、DC24V AC220V	25 25 25 25 25 25 25 25 25 25 25 25 25 2

警示灯系列

69

MUJIE-INT

产品外观	코号	名称	参数	尺寸图
	AOM-50-RGY 长杆L型 12cm 有声/无声	三色LED警示灯	额定电压: DC12V、DC24V AC220V	32
	AOM-1101J 有声/无声	LED声光报警灯 LED常亮/频闪/可调	额定电压: DC12V、DC24V AC220V、AC380V 颜色: ● 樂 ● 红 ○ 黄 ● 蓝	\$1
	AOM-1081J 有声/无声	LED声光报警灯 LED常亮/频闪/可调	额定电压: DC12V、DC24V AC220V、AC380V 颜色: ● 绿 ● 红 ○ 黄 ● 蓝	
d toward of the balance	AOM-2071 有声/无声	声光报警灯 LED常亮/频闪/可调	额定电压: DC12V、DC24V AC220V、AC380V 颜色: ● 學 ● 红 ○ 黄 ● 蓝	33.5 72
Print Ball	AOM-3072 有声/无声	小型报警灯 LED常亮闪光灯	额定电压: DC12V、DC24V DC36V、DC48V AC110V、AC220V、 AC380V 颜色: ● 绿 ● 紅 ○ 黄 ● 蓝	nnnnnnnnnnn E

警示灯系列

产品外观	型号	名称	参数	尺寸图
AN ANCE BY OCCUPY	AOM-5002 有声/无声	三色警示灯	额定电压: AC/DC12V AC/DC24V AC/DC 220V AC110V AC220V AC380V	37
THE AM SIGN HATE	AOM-5051	LED声光报警器 有声/无声	额定电压: DC12V、DC24V AC110V、AC220V、 AC380V 颜色: ● 绿 ● 红 ● 黄 ● 蓝	150 mm
AND SOLID	AOM-5061 有声/无声	闪光灯警告灯 频闪/恒定光	额定电压: DC12V、DC24V AC220V、AC380V 颜色: ● 學 ● 红 ● 黄 ● 蓝	000000000000000000000000000000000000000
	AOM-6102J	声光报警 LED常亮/頻闪/可调	额定电压: DC24V AC220V 颜色: ● 景 ● 红 ○ 黄 ● 蓝	9

MCOB系列 (防雨型) 起重机用控制按钮

MUJIE-INT

MCOB系列 (防雨型) 起重机用控制按钮

产品外观	型号	参数	触点形式	动作类型	尺寸图
	MCOB-61	Ui: 500V Ith: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	Lysty.	两钮联锁、 自动复位	85 121
0000	MCOB-62	Ui: 500V Ith: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	2+5-705-7	两钮联锁、 自动复位	101 121
000000	MCOB-63	Ui: 500V Ith: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	3+5-705-5	两钮联锁、 自动复位	101 250
00000000	MCOB-64	Ui: 500V Ith: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	4+5-705-2	两钮联锁、 自动复位	110
0000000000	MCOB-65	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	3+5-705-7	两钮联锁、 自动复位	

产品外观	壐号	参数	触点形式	动作类型	尺寸图
0000	MCOB-61A MCOB-61B	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	infaling.	ON(开)常开自锁, 由OFF驱动复位 两钮联锁、 自动复位	113 190
00000	MCOB-62A MCOB-62B	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	1-fq 2+1-fq1-f	ON(开)常开自锁, 由OFF驱动复位 两钮联锁、 自动复位	
000000	MCOB-63A MCOB-63B	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	5-f-7	ON(开)常开自锁, 由OFF驱动复位 两钮联锁、 自动复位	119
C. C	MCOB-64A MCOB-64B	Ui: 500V Ith: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	1. for 4. 1. for 1.	ON(开)常开自锁, 由OFF驱动复位 两钮联锁、 自动复位	
0000	MCOB-61H	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	infair!	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	120 165

MCOB系列 (防雨型) 起重机用控制按钮

MUJIE-INT

产品外观	型号	参数	触点形式	动作类型	尺寸图
0000	MCOB-62H	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	2+5-frig	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	225 © 0000 8
00000	MCOB-63H	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	3+1-1-21-1	推锁旋转 M 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	120 296 (0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0
000000000	MCOB-64H	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	4+1-for-j	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	345 (C) 00000000 S
0000000000	MCOB-65H	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	5+j~\q\	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	120 408 ************************************
200000000000000000000000000000000000000	MCOB-66H	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V-2A 250V~5A	5+ F- J- P- J-	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	

MCOB系列 (防雨型) 起重机用控制按钮

产品外观	코号	参数	触点形式	动作类型	尺寸图
OC SOL	MCOB-62BH	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	ong Folj Folj Filgorij	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	120 225
0000	МСОВ-63ВН	Ui: 500V Ith: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	0	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	120 255 255 200 000 0 2
000000	мсов-64вн	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	0~ j E+ j E+ j 3+ i- j v j l	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	180 345 180 000000000 B
Octobra de la constantia de la constanti	MCOB-65BH	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	4+5-\$P5-\$	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	188 486 (\$000000000000000000000000000000000000
O O O O O O O O O O O O O O O O O O O	МСОВ-66ВН	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	0~ } E4	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	MARINE 1 00000000000000000000000000000000000

XAC系列(防雨型)起重机用控制按钮

MUJIE-INT

XAC系列(防雨型)起重机用控制按钮

产品外观	型목	参数	触点形式	动作类型	尺寸图
20	XAC-A271 XAC-A291	Ui: 500V Ith: 10A AC-15 500V~2A 250V~5A		两钮联锁、 自动复位 常开动合按钮,	122 110 110 110 110 110 110 110 110
100	XAC-A2713 XAC-A2913	UI: 500V Ith: 10A AC-15 500V~2A 250V~5A		推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	100 PM S
No. of the last of	XAC-A471 XAC-A491	Ui: 500V Ith: 10A AC-15 500V~2A 250V~5A	2+ [4] [4] [4] [4] [4] [4] [4] [4] [4] [4]	两钮联锁、 自动复位 常开动合按钮,	246 246 246 246 246 246 246 246 246 246
SONO MARKET MARK	XAC-A4713 XAC-A4913	Ui: 500V Ith: 10A AC-15 500V~2A 250V~5A	2+ [0] [0] [0] [0] [0] [0] [0] [0] [0] [0]	推锁旋转紧急停止按钮,两钮联锁、自动复位	169 246 246 2 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1

产品外观	型 号	参数	触点形式	动作类型	尺寸图
o to to the	XAC-A6713 XAC-A6913	Ui: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	3+ 1- 1 9 9 9 9 9 3+ 10 1 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9 9	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	
O TO TO TO	XAC-A871 XAC-A891	UI: 500V lth: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	4+ [4] 9 9 9 9 9 9 9 9 9	两钮联锁、自动复位 常开动合按钮,	
Salaha Sa	XAC-A8713 XAC-A8913	Ui: 500V Ith: 5A AC-15 500V~2A 250V~5A	4+ [4] 4+	推锁旋转 紧急停止按钮, 两钮联锁、 自动复位	
10000	XAC-A671 XAC-A691	Ui: 500V lth: 10A AC-15 500V~2A 250V~5A	3+ [0] [0] [0] [0] [0] [0] [0] [0] [0] [0]	两钮联锁、 自动复位 常开动合按钮,	100

钮子开关

MUJIE-INT

钮子开关

产品外观	쯔号	最大电流& 额定电压	参数	尺寸图
	1021 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 2脚2档	36"
	1121 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 3脚2档	30°
	1122 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 3脚3档	30"
	1221 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 4脚2档	30"
111	1321 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 6脚2档	30.

产品外观	쩐号	最大电流& 额定电压	参数	尺寸图
	1322 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 6脚3档	30°
500	123 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚3脚3脚3档	30"
	223 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 6脚3档	30.
	301 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 6脚2档	30°
	302 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 9脚2档	30' 8

钮子开关

MUJIE-INT

M 3 /1 /				
产品外观	型号	最大电流& 额定电压	参数	尺寸图
	303 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 9脚3档	30' 8
	402 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 11脚2档	
	403 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 11脚3档	30 S S S S S S S S S S S S S S S S S S S
	112 单边重置	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 2脚单边重置	30'
	113 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 3脚2档	30°

钮子开关

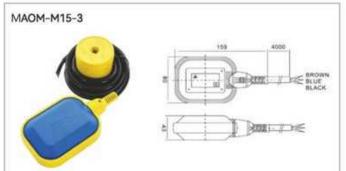
产品外观	型号	最大电流& 额定电压	参数	尺寸图
	212 单边重置	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 6脚单边重置	30° B
	213 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 6脚2档	30° 10° 10° 10° 10° 10° 10° 10° 10° 10° 1
1 3 2 2 P	1122FS 单边 自锁	15A 250V-380V	螺丝脚/插脚 3脚单边自锁	25.5
The state of the s	1021	15A 250V-380V	螺丝脚 2脚2档	30 39
	1121	15A 250V-380V	螺丝脚 3脚2档	30.1

钮子开关

MUJIE-INT

产品外观	型号	最大电流& 额定电压	参数	尺寸图
4 9 6	1122	15A 250V-380V	螺丝脚 3脚3档	30'
SHE GR	1221	15A 250V-380V	螺丝脚 4脚2档	28.1
AND MOR	1321	15A 250V-380V	螺丝脚 6脚2档 安装孔径: 22mm	30'
AND TO S	1322	15A 250V-380V	螺丝脚 6脚3档	28

浮球开关





防水按钮盒

MUJIE-INT



防水按钮盒



81 82

防水按钮盒

MUJIE-INT



防水按钮盒



防水按钮盒

MUJIE-INT



按钮保护罩

